

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 107/2019/HS-ST

Ngày: 27 - 9 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Xuân Hòa

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Hải

Ông Ngô Xuân Dệt

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nhỏ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Phan Văn Hóa - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 88/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 155/2019/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

* **Võ Ngọc S**, sinh ngày 10/8/1994 tại Bình Đ; Nơi ĐKKHKT: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định; nghề nghiệp: Nhân viên bán hàng; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (Không xác định) và bà Võ Thị Kim L (đã chết); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23/3/2012 bị Tòa án nhân hành dân tỉnh B xử phạt 12 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” tại bản án số 82/2012/HSPT, bị cáo chấp hành xong bản án và đã xóa án tích; Ngày 27/5/2019 bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” **theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự**, tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2019/HS-ST (đã có hiệu lực pháp luật), bị cáo đang chấp hành án phạt tù tính từ ngày 26/02/2019 tại Trại giam X, tỉnh P. Có mặt.

* *Bị hại:*

Anh Đỗ Văn Q, sinh năm 1985; địa chỉ: 963 Trường C, tổ 1, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. **Có mặt.**

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Chị Nguyễn Thị Kim M, sinh năm 1979; địa chỉ: 963 Trường C, tổ 1, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai. **Có mặt.**

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tại bản cáo trạng số 88/CT-VKS ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố P đã truy tố bị cáo Võ Ngọc S về hành vi phạm tội như sau:

Vào thời gian tháng 9/2016, Võ Ngọc S từ Bình Định đến thành phố P, tỉnh Gia Lai, xin làm công nhân hợp đồng lao động tại cơ sở kinh doanh kim khí điện máy Đại Phát, do anh Đỗ Văn Q (Sinh năm: 1985. Trú tại: Tổ 1, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai) làm chủ. Trong thời gian làm việc tại đây, S được anh Q tin tưởng nên anh Q giao cho S chiếc xe mô tô BKS 64M1-3907 nhãn hiệu Sirius để làm phương tiện đi lại thu nợ của khách hàng mua trả góp.

Ngày 14/02/2018, Võ Ngọc S mượn xe mô tô nói trên của anh Q đi về quê tại Bình Định để ăn tết, anh Q tin tưởng nên đồng ý cho S mượn. Sau khi ăn tết tại quê, S không mang xe lên trả cho anh Q mà S cùng một người bạn tên H (không rõ lai lịch) mang chiếc xe mô tô này đi thế chấp cho một người đàn ông tên L (không rõ lai lịch), đang chơi bầu cua ở đường tại xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, với số tiền 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) và sau đó dùng số tiền này để tiêu xài cá nhân. Đến ngày 16/3/2018, Sơn quay lại cơ sở kinh doanh kim khí, điện máy Đại Phát của anh Q. Khi anh Q hỏi về chiếc xe mô tô mà S đã mượn thì S nói dối là xe mô tô đang bị Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Định tạm giữ vì vi phạm khi tham gia giao thông. Sau đó, anh Q tiếp tục giao cho S chiếc xe mô tô BKS 64H6-4211 để S đi thu tiền nợ, nhưng S không đi thu tiền mà điều khiển xe mô tô BKS 64H6 – 4211 bỏ trốn về huyện T. Đến cuối tháng 3/2018, S nhờ em họ là Võ Ngọc D (Sinh năm: 2000; Trú tại: Thôn T, xã P, huyện T, tỉnh Bình Định) mang xe mô tô BKS 64H6-4211 trả lại cho anh Q.

Ngày 02/4/2018, anh Đỗ Văn Q đã đến Công an phường C để tố cáo hành vi của Võ Ngọc S, đồng thời đi về xã P, huyện T, tỉnh Bình Định, tìm S để đòi lại xe. Khi đến thì gặp S, H và D, anh Q nói S trả xe thì S cho biết xe mô tô BKS 64M1-3907, S đã thế chấp và không có khả năng chuộc lại xe. Do đó, anh Q đã đưa 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) nhờ H, D cùng đi tìm người đàn ông tên L và đã chuộc lại được chiếc xe. Đến ngày 04/4/2018 Võ Ngọc S đến Công an phường C đầu thú.

Ngày 15/8/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai, ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Võ Ngọc S về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” quy định tại Điều 175 Bộ luật Hình sự. Quá trình điều tra, anh Đỗ Văn Q có đơn xin bảo lãnh cho S về Tổ 1, phường C, thành phố P, tỉnh Gia Lai, để S khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, sau khi được bảo lãnh Võ Ngọc S đã bỏ trốn. Ngày 04/9/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P, tỉnh Gia Lai, đã ra Quyết định truy nã đối với Võ Ngọc S. Ngày 16/12/2018, do hết thời hạn điều tra nên Cơ quan điều tra ra Quyết định tạm đình chỉ vụ án và bị can đối với Võ Ngọc S. Ngày 26/02/2019, Võ Ngọc S bị Cơ quan Cảnh sát điều tra

Công an huyện T, tỉnh Bình Định bắt tạm giam về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Quá trình điều tra, Võ Ngọc S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản kết luận định giá số 82/HĐĐG - KL ngày 07/5/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Pleiku kết luận: Xác định tài sản bị chiếm đoạt là xe mô tô 64M1-3907 nhãn hiệu Sirius có giá trị là 7.500.000 đồng.

* Vật chứng vụ án: Đối với xe mô tô BKS 64M1-3907 nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ, đen. Số máy: 64304473, số khung: 404423 là tài sản của vợ chồng anh Đỗ Văn Q và chị Nguyễn Thị Kim M, do chị Nguyễn Thị Kim M đứng tên chủ sở hữu. Ngày 17/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho chị Nguyễn Thị Kim M đứng tên chủ ở hữu.

* Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra, anh Đỗ Văn Q yêu cầu bị cáo Võ Ngọc S bồi thường 6.000.000 đồng, đây là số tiền mà anh Đỗ Văn Q chuộc lại xe mô tô BKS 64M1-3907 do bị cáo chiếm đoạt đi cầm cố thế chấp. Hiện bị cáo chưa bồi thường.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát giữ nguyên nội dung, quyết định đã truy tố bị cáo tại bản cáo trạng và đề nghị như sau:

- Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; Điều 50; điểm s (thành khẩn khai báo) khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Tuyên bố bị cáo Võ Ngọc S phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Xử phạt bị cáo Võ Ngọc S từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/02/2019. Do bị cáo không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không xử phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Căn cứ Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử tổng hợp hình phạt chung của bản án này và cộng 03 năm tù mà bị cáo bị xử về tội “*Trộm cắp tài sản*” tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2019/HS-ST ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định để bị cáo chấp hành hình phạt chung. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 26/02/2019.

- Về vật chứng: Vật chứng vụ án đã xử lý tại giai đoạn điều tra nên không xem xét lại.

- Về bồi thường dân sự: Trong quá trình điều tra, anh Đỗ Văn Q yêu cầu bị cáo Võ Ngọc S bồi thường 6.000.000 đồng, đây là số tiền mà anh Đỗ Văn Q chuộc lại xe mô tô BKS 64M1-3907 do bị cáo chiếm đoạt đi cầm cố thế chấp, tuy nhiên tại phiên tòa anh Đỗ Văn Q và chị Nguyễn Thị Kim M không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền này nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Buộc bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Ngày 14/02/2018, Võ Ngọc S đã mượn của anh Đỗ Văn Q (anh Q là chủ cơ sở kinh doanh kim khí điện máy Đại Phát, S là người làm công cho anh Q) 01 chiếc xe mô tô BKS 64M1-3907 (chiếc xe này do vợ anh Q là chị Nguyễn Thị Kim M đứng tên chủ sở hữu) để Võ Ngọc S về quê ăn tết. Sau khi mượn được xe, S về quê tại xã P, huyện T, tỉnh Bình Định ăn tết và sau đó S đã mang xe mượn này đi cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân nhưng S nói dối với anh Q là xe bị Cảnh sát giao thông bắt giữ, sau đó S bỏ trốn và không trả lại xe cho anh Q. Chiếc xe mà Võ Ngọc S đã chiếm đoạt của anh Q, qua định giá xác định có trị giá 7.500.000 đồng.

[2] Hội đồng xét xử nhận thấy lời khai của bị cáo Võ Ngọc S đã khai tại phiên tòa là phù với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, do đó đã có đủ cơ sở kết luận: Bị cáo Võ Ngọc S đã có hành vi mượn tài sản là chiếc xe mô tô BKS 64M1-3907 có trị giá 7.500.000 đồng của anh Đỗ Văn Q và sau đó dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt chiếc xe mô tô này, hành vi của bị cáo như đã nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản, xâm phạm trật tự trị an xã hội nên đã phạm vào tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hành vi của bị cáo đã gây ra là nghiêm trọng, sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn và bị truy nã gây khó khăn cho hoạt động tố tụng của cơ quan điều tra; sau khi trốn truy nã bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự và đã bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định xử phạt 03 năm tù tại bản án số 08/2019/HS-ST 27/5/2019 (bản án đã có hiệu lực pháp luật); ngoài ra bị cáo có nhân thân xấu, trước đây bị cáo đã bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử tại bản án số 82/2012/HSPT ngày 23/3/2012 xử phạt 12 tháng tù về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”, bị cáo đã chấp hành xong bản án và đã xóa án tích. Nhận thấy, bị cáo ý thức được hành vi chiếm đoạt tài sản nêu trên là vi phạm pháp luật, nhưng vì cần tiền tiêu xài cho cá nhân nên bị cáo đã bất chấp pháp luật để phạm tội, bị cáo có nhân thân xấu nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần có một mức án thật nghiêm khắc bằng hình phạt tù có thời hạn để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để giáo dục bị cáo và góp phần phòng ngừa, đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương. Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo nên đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được Hội đồng xét xử xem xét khi quyết định hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Do trước đây, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định xét xử 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2019/HS-ST ngày 27/5/2019 (bản án đã có hiệu lực pháp luật). Do đó, khi xét xử về hành vi phạm tội tại bản án này Hội đồng xét xử tổng hợp với hình phạt của bản án số 08/2019/HS-ST ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Định để quyết định hình phạt chung đối với bị cáo theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự

[3] Do bị cáo không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không xử phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[4] Đối với các đối tượng tên H là người cùng với Sơn mang xe đi cầm cố, L là người đã nhận cầm cố chiếc xe của Võ Ngọc S, D là người cùng Hưng là người đi chuộc lại chiếc xe do bị cáo cầm cố cho L. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố P đã tiến hành xác minh lai lịch của các đối tượng trên để làm rõ nhưng không xác định được lai lịch của các đối tượng này nên chưa có căn cứ để điều tra, xử lý. Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh, khi nào xác định được sẽ xử lý trong một vụ án khác.

[5] Về vật chứng: Đối với xe mô tô BKS 64M1-3907 nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đỏ, đen. Số máy: 64304473, số khung: 404423 là tài sản của vợ chồng anh Đỗ Văn Q và chị Nguyễn Thị Kim M, do chị Nguyễn Thị Kim M đứng tên chủ sở hữu. Ngày 17/5/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho chị Nguyễn Thị Kim M, do đó Hội đồng xét xử không xem xét lại.

[6] Về bồi thường dân sự: Trong quá trình điều tra, anh Đỗ Văn Q yêu cầu bị cáo Võ Ngọc S bồi thường 6.000.000 đồng, đây là số tiền mà anh Đỗ Văn Q chuộc lại xe mô tô BKS 64M1-3907 (xe đứng tên chị Nguyễn Thị Kim M, là vợ anh Q) do bị cáo chiếm đoạt đi cầm cố thế chấp, tuy nhiên tại phiên tòa anh Đỗ Văn Q và chị Nguyễn Thị Kim M không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí:

Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8] Từ những nội dung đã xem xét, quyết định nêu trên của Hội đồng xét xử thì thấy rằng những nội dung mà Viện kiểm sát truy tố tại bản cáo trạng và đề nghị tại phiên tòa là có cơ sở nên được chấp nhận.

[9] Đối với hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình giải quyết vụ án thì Hội đồng xét xử nhận thấy Điều tra viên, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt:

- Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 175; Điều 38; Điều 50; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Võ Ngọc S phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Xử phạt bị cáo Võ Ngọc S 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Căn cứ Điều 56 của Bộ luật hình sự.

Buộc bị cáo Võ Ngọc S chấp hành hình phạt chung 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù của bản án này và hình phạt 03 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự, tại bản án hình sự sơ thẩm số 08/2019/HS-ST ngày 27/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B. Bị cáo Võ

Ngọc S chấp hành hình phạt chung của hai bản án trên là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành án phạt tù tính từ ngày 26/02/2019.

2. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- Viện kiểm sát TP.P;
- Công an TP.P;
- Thi hành án dân sự TP.P;
- Sở tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Trại giam Xuân Phước, tỉnh Phú Yên;
(Xã Xuân Phước, huyện Đông Xuân, tỉnh Phú Yên);
- Lưu HS, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Đoàn Xuân Hòa